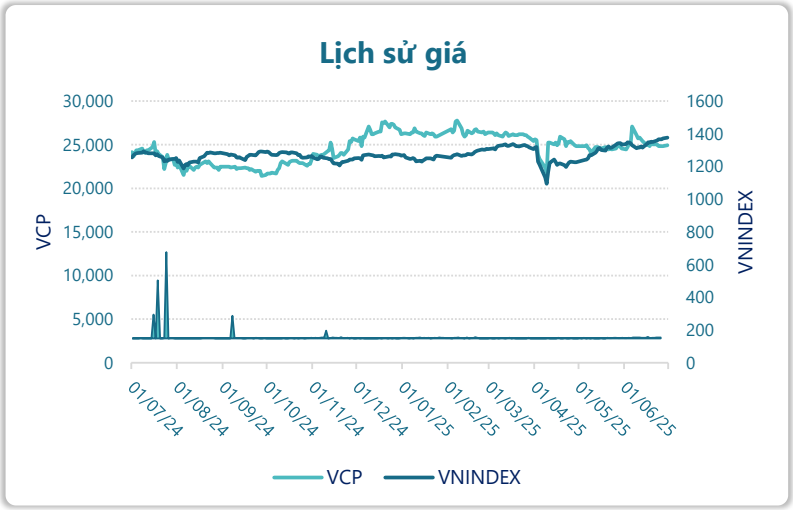
FireAnt

CTCP Xây dựng và Năng lượng VCP (UPCOM: VCP)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**25,500**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	27,764
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	21,410
SL cổ phiếu LH	83,789,658
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,427,118
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	2,137
P/E	5.4
EPS	4,725

DT thuần

Q2/25

536

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 96.0| 21.7%

YoY: ▲ 165| 44.4%

LN sau thuế

Q2/25

111

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 29.1| 35.6%

YoY: ▲ 74.6| 205%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

32.8%

+/- YoY: ▲ 7.6%

DT thuần

6T 2025

975

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 254| 35.3%

LN sau thuế

6T 2025

193

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 94.3| 95.4%

ROE

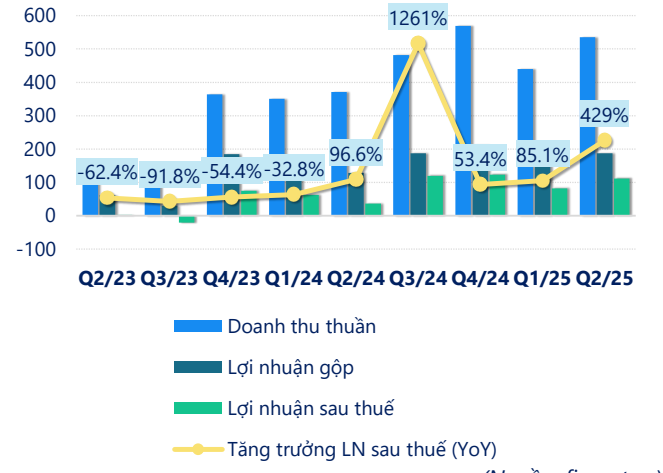
Q2/25

19.5%

+/- YoY: ▲ 11.6%

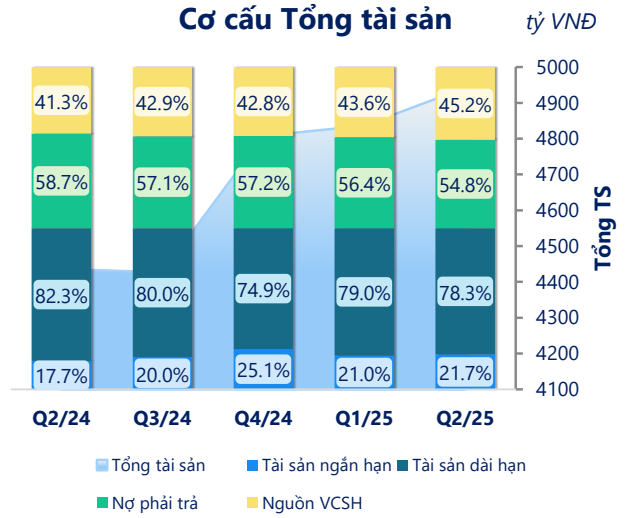
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



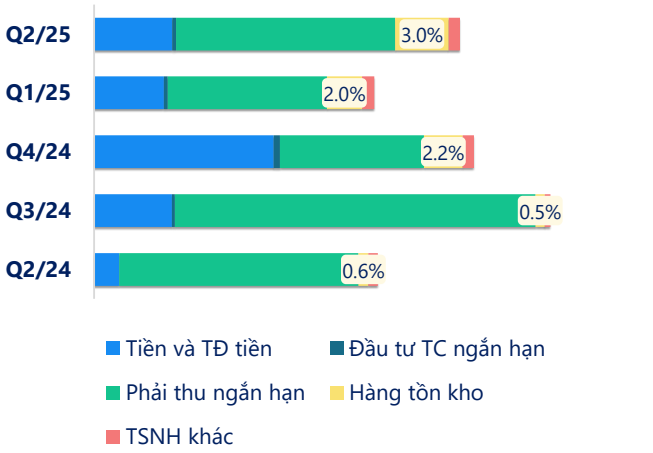
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



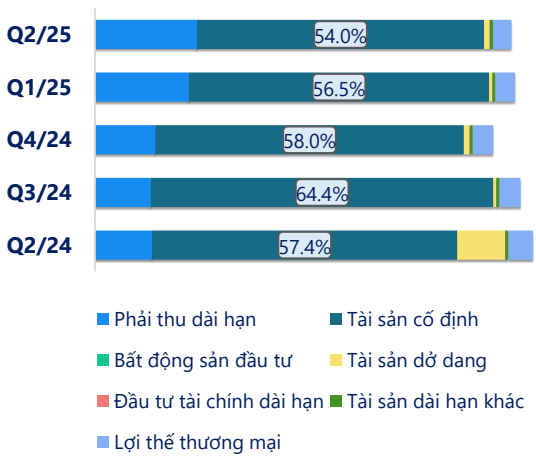
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



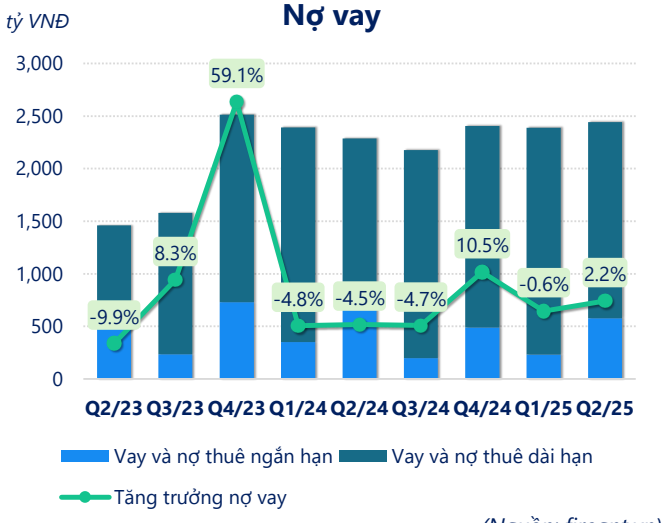
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



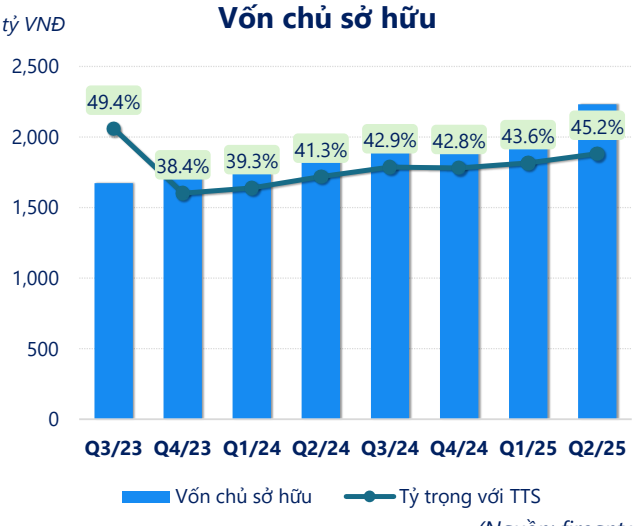
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



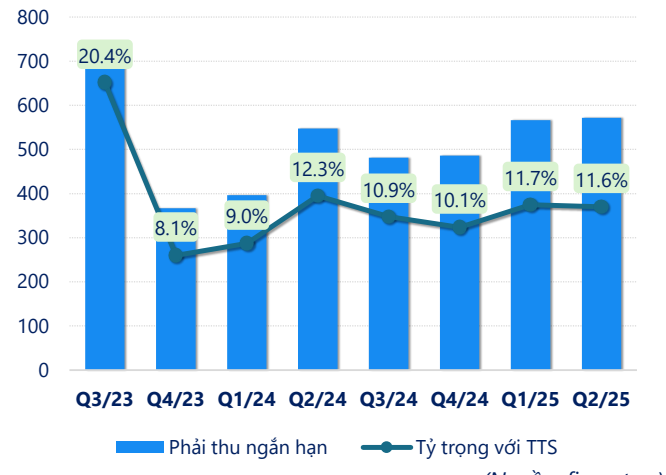
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



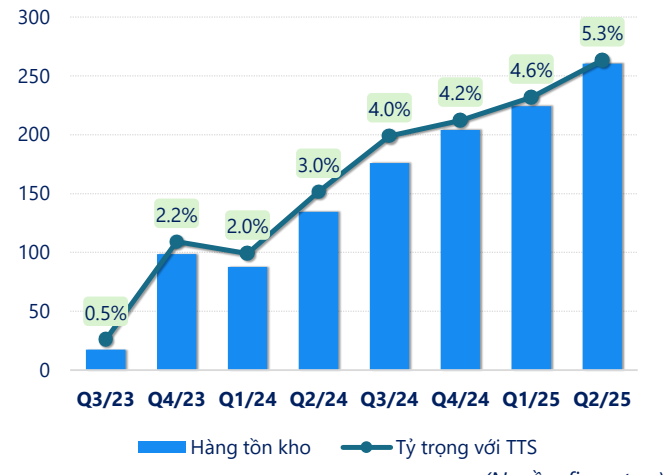
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



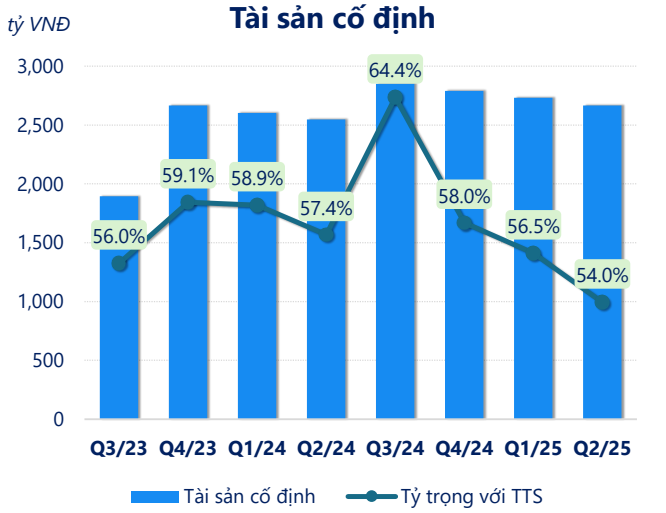
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



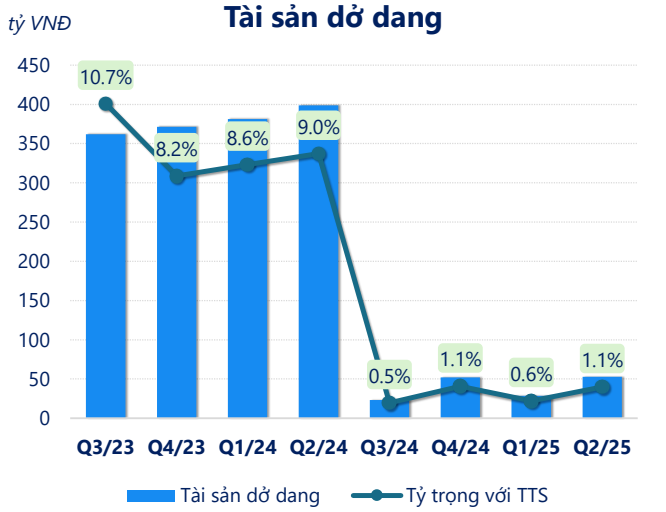
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



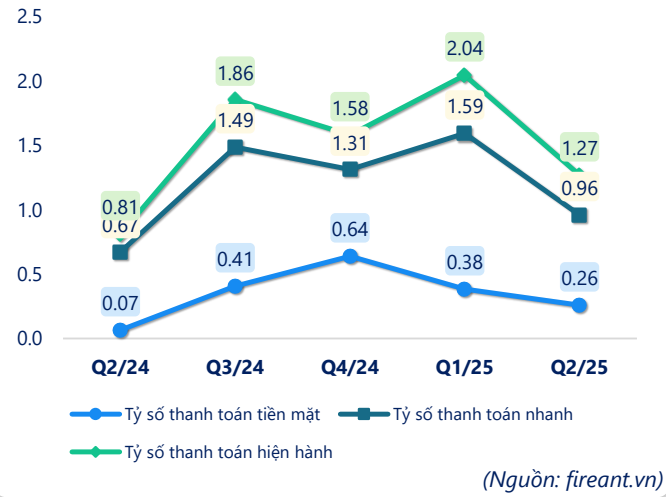
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



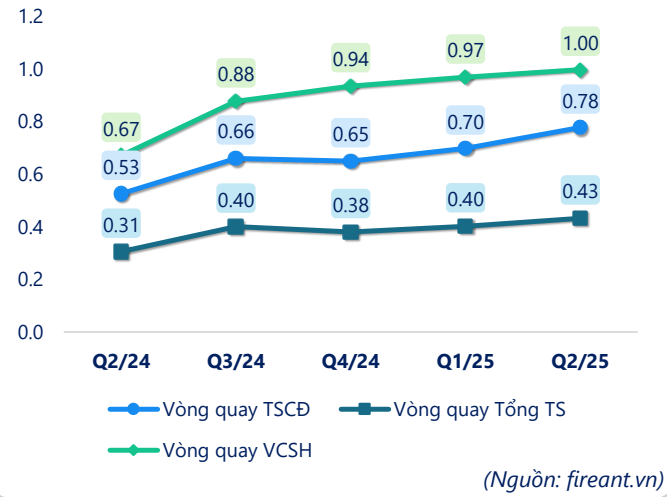
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	**4,436**	**4,427**	**4,808**	**4,837**	**4,942**
Tài sản ngắn hạn	**784**	**885**	**1,205**	**1,015**	**1,070**
Tiền và tương đương tiền	63.2	194	487	190	218
Đầu tư tài chính ngắn hạn	10.0	10.0	10.7	17.9	10.7
Phải thu ngắn hạn	548	481	486	566	572
Hàng tồn kho	135	176	204	224	260
Tài sản ngắn hạn khác	28.3	23.8	17.0	17.0	9.75
Tài sản dài hạn	**3,652**	**3,542**	**3,603**	**3,821**	**3,872**
Phải thu dài hạn	477	465	545	854	949
Tài sản cố định	2,546	2,851	2,790	2,731	2,667
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	399	23.1	52.1	28.6	52.6
Đầu tư tài chính dài hạn	0.56	0.56	1.57	1.56	1.57
Tài sản dài hạn khác	28.1	27.7	27.6	26.8	30.2
Lợi thế thương mại	202	174	187	179	172
Nợ phải trả	**2,605**	**2,529**	**2,752**	**2,729**	**2,710**
Nợ ngắn hạn	**966**	**477**	**763**	**497**	**844**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	721	199	490	231	578
Phải trả người bán ngắn hạn	132	123	108	61.7	92.4
Nợ dài hạn	1,639	2,052	1,989	2,232	1,865
Vay và nợ thuê dài hạn	1,564	1,978	1,915	2,158	1,865
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,831**	**1,898**	**2,056**	**2,108**	**2,232**
Vốn chủ sở hữu	**1,831**	**1,898**	**2,056**	**2,108**	**2,232**
Vốn điều lệ	838	838	838	838	838
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)